



Số: **56/H/BC-BKHĐT**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP 07 THÁNG ĐẦU NĂM 2022
VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP
TRONG THỜI GIAN TỚI**

*(Báo cáo phục vụ Hội nghị của Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp
năm 2022 ngày 11/8/2022 tại Hà Nội)*

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự ủng hộ của Quốc hội; sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, thống nhất, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các bộ ngành, địa phương đã quán triệt, triển khai nghiêm túc các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, thích ứng bối cảnh mới; tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách và những tồn tại yếu kém, điểm nghẽn đang cản trở hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh, từ đó hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp phục hồi, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Trong 07 tháng đầu năm 2022, kinh tế xã hội Việt Nam phục hồi ở hầu hết các ngành, lĩnh vực; hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều khởi sắc; ngành hàng không, du lịch đạt mức tăng trưởng tốt nhờ nhu cầu cao của khách nội địa và chính sách mở cửa cho khách quốc tế từ ngày 15/3/2022; ngành xây dựng phục hồi tích cực; các ngành xuất khẩu như thủy sản, dệt may có mức tăng trưởng khá, đóng góp vào tăng trưởng xuất nhập khẩu nói riêng và tăng trưởng của nền kinh tế nói chung... Tuy nhiên, trước tình hình thế giới biến động rất nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo của các tổ chức quốc tế và các quốc gia trên thế giới; rủi ro, bất định ngày càng gia tăng, biến động về dịch bệnh, tình hình căng thẳng biển đông và chính sách ngày càng nhanh. Hiện nay khu vực doanh nghiệp tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn, thách thức cả về nguồn cung và cầu do tác động bởi dịch Covid-19, xung đột quân sự Nga - Ukraina diễn biến phức tạp, có nguy cơ kéo dài; giá xăng dầu, nhiên, nguyên vật liệu tăng cao; thiếu hụt lao động; lạm phát tăng cao ở nhiều quốc gia trên thế giới...

Do đó, cần phải phân tích, đánh giá, dự báo, quan điểm điều hành và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chủ yếu để chủ động đối phó trước biến động của tình hình thế giới, trên cơ sở theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổng hợp ý kiến của các hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, đồng thời thực hiện Chương trình công tác năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tổng hợp, xây dựng Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp trong 7 tháng đầu năm 2022; nhận diện các thuận lợi, cơ hội, khó khăn, thách thức, từ đó đề xuất các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững trong thời gian tới.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ

1. Đánh giá tình hình kinh tế thế giới tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam

Tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo suy giảm sau hai năm ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; diễn biến xung đột vũ trang giữa Nga – Ukraine; tiếp tục làm gián đoạn, hạn chế hơn nguồn, chuỗi cung ứng hàng hóa; giá cả tăng cao, lạm phát, lãi suất tăng; tăng trưởng kinh tế thấp, thậm chí tăng trưởng âm, suy thoái kinh tế; nợ công gia tăng; tăng cường tiết kiệm và thắt chặt chi tiêu; lúng túng trong tìm kiếm các giải pháp ổn định và tăng trưởng; nguy cơ mất an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu... Những điều này có thể gây những tác động đến kinh tế Việt Nam và hoạt động sản xuất kinh doanh trên một số mặt sau:

- *Triển vọng tăng trưởng của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế của các đối tác kinh tế thương mại lớn của Việt Nam chịu ảnh hưởng.* Điều này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm trong nước. Đặc biệt, tác động tiêu cực của căng thẳng quân sự Nga-Ukraine tới kinh tế thế giới và kinh tế các nước, nhất là châu Âu.

- *Biến động giá năng lượng thế giới ảnh hưởng đến giá xăng dầu trong nước,* làm tăng giá đầu vào của các doanh nghiệp¹, gây áp lực lên lạm phát và chi phí sản xuất, từ đó ảnh hưởng đến tốc độ phục hồi của nền kinh tế của Việt Nam. Cụ thể, khi giá dầu tăng lên mức 100 USD/thùng sẽ làm tăng trưởng kinh tế năm 2022 giảm 0,12%, tăng lạm phát 0,49 điểm% so với kịch bản cơ sở. Đối với các chỉ số vĩ mô khác, lạm phát năm 2022 sẽ tăng 0,49 điểm % so với kịch bản cơ sở.

- *Sức ép lạm phát toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục tăng cao và kéo dài trong năm 2022,* do: (i) giá năng lượng và giá lương thực, thực phẩm tăng cao; (ii) tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu có thể kéo dài; (iii) các chính sách hỗ trợ như giảm thuế, phí,... hết hiệu lực dẫn đến giá cả tăng trở lại; (iv) sự xuất hiện của các biến chủng virus mới làm gia tăng mất cân bằng cung - cầu và đẩy giá lên cao. IMF dự báo lạm phát năm 2022 ở các nền kinh tế phát triển đạt 6,6% và 9,5% ở các nước mới nổi và đang phát triển. Điều này gây áp lực lên giá cả, lạm phát và chi phí sản xuất trong nước, qua đó ảnh hưởng tới xu hướng phục hồi của doanh nghiệp, thị trường và kinh tế trong nước.

- *Rủi ro cho hoạt động của doanh nghiệp,* đặc biệt những nỗ lực thúc đẩy quan hệ thương mại - đầu tư của Việt Nam với Nga và Liên minh hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan. Các hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư, tài chính, du lịch... giữa Việt Nam với Nga và Ukraine sẽ bị ảnh hưởng đáng kể, đặc biệt khi phương Tây loại Nga ra khỏi SWIFT². Xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Việt

¹ Thực tế, trong những tháng đầu năm, giá xăng trong nước đã tăng khá cao (khoảng 48,8% trong quý I/2022)

² Tên viết tắt của Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunications. Đây là Hiệp hội Viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu – tổ chức đứng sau hầu hết các giao dịch chuyển tiền quốc tế hiện nay.

Nam sang Nga, Ukraine sẽ khó khăn do nhu cầu giảm, đồng Ruble mất giá. Bên cạnh đó chi phí đầu vào, nguyên vật liệu, vận tải, lưu kho bãi... tăng nhanh trong khi giá bán đầu ra chưa thể tăng tương ứng; rủi ro thanh toán, rủi ro tỷ giá khiến nhà nhập khẩu bên Nga sẽ yêu cầu chia sẻ, giảm giá. Doanh nghiệp phải tìm kiếm các nguồn cung khác (ngoài Nga), cấu trúc lại chuỗi cung ứng và phải chịu chi phí cao ở giai đoạn đầu.

2. Đánh giá tình hình triển khai các chính sách, giải pháp điều hành ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ

a) Kết quả đạt được:

Trong bối cảnh chịu nhiều sức ép lớn, khó khăn bủa vây của bối cảnh thế giới, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự ủng hộ của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo điều hành quyết liệt, thống nhất, kịp thời các bộ, ngành và địa phương triển khai nhiều chính sách, giải pháp giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, giảm đáng kể áp lực chi phí đầu vào; hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển. Một số kết quả điển hình như:

- *Kiểm soát tốt lạm phát theo mục tiêu đề ra:* CPI bình quân 7 tháng đầu năm 2022 tăng 2,54% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm lạm phát cơ bản tăng 1,44% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân trung (2,54%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng dầu tăng.

- *Hỗ trợ giảm chi phí đầu vào, nhiên, nguyên vật liệu:* Việc điều hành giá xăng dầu trong nước đang bám sát theo diễn biến giá xăng dầu thế giới; đồng thời linh hoạt sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu³ để hạn chế tối đa mức tăng giá xăng dầu trong nước nhằm đảm bảo hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, người tiêu dùng và doanh nghiệp, hỗ trợ đời sống người dân, hỗ trợ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, ngoài việc giảm thuế bảo vệ môi trường, Chính phủ đang xem xét chủ trương phương án thuế giá trị gia tăng và tiêu thụ đặc biệt đối với xăng dầu. Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh công tác dự báo, phối hợp hiệu quả giữa chính sách tiền tệ, tài khoá với các chính sách vĩ mô khác và triển khai hỗ trợ một số đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề của giá xăng dầu như hỗ trợ ngư dân bám biển, hỗ trợ doanh nghiệp vận tải, người thu nhập thấp.

- *Giữ ổn định thị trường ngoại tệ, duy trì một mặt bằng tỉ giá, lãi suất hợp lý:* Trên cơ sở bám sát diễn biến kinh tế thế giới và tình hình kinh tế trong nước, Chính phủ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khoá và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu; điều hành các các mức lãi suất ổn định. Đến nay, mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng tăng nhẹ (lãi suất cho vay bình quân tăng khoảng 0,17%/năm so với cuối năm 2021) chủ yếu do nhu cầu tín dụng tăng cao

³ Điều chỉnh giảm từ 20% xuống 10% mức thuế xuất nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng dầu; giảm thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 và Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15, dự kiến giảm thu NSNN khoảng 33.456 tỷ đồng (Văn bản số 7908/BTC-CST ngày 09/8/2022).

nhằm đáp ứng cho tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh cung cầu ngoại tệ nhiều thời điểm diễn biến bất lợi do thị trường tài chính – tiền tệ thế giới diễn biến phức tạp, Chính phủ đã thực hiện can thiệp thị trường linh hoạt để giúp hấp thu tốt các cú sốc bên ngoài trong khi vẫn giữ ổn định thị trường ngoại tệ. Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ.

- Chủ động xây dựng và triển khai kịp thời các chính sách, giải pháp phục hồi kinh tế - xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, chủ động thích ứng và phục hồi.

Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được thông qua tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 là một trong những yếu tố quan trọng hỗ trợ nền kinh tế phục hồi sản xuất kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng. Chương trình được thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022-2023 với gói hỗ trợ 350 nghìn tỷ đồng, trong đó các hỗ trợ liên quan đến chính sách tài khóa chiếm 83% tổng gói hỗ trợ (gồm các chính sách miễn, giảm thuế, phí, đầu tư phát triển y tế, an sinh xã hội, lao động, việc làm; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; phát triển kết cấu hạ tầng...), chính sách tiền tệ chiếm 14% (bao gồm tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng dịch bệnh; điều tiết thanh khoản phù hợp, tạo điều kiện thực hiện chương trình hỗ trợ lãi suất...) và các hỗ trợ khác 3%. Đây là chương trình cần thiết trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng thấp và gặp nhiều khó khăn, tạo ra động lực cho phục hồi và kích thích tăng trưởng kinh tế.

Nhằm triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn và phục hồi sau Covid-19, trong khuôn khổ Chương trình phục hồi kinh tế⁴, các bộ, ngành đã nỗ lực trình Chính phủ ban hành các văn bản để hướng dẫn triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp liên quan đến hỗ trợ lãi suất các khoản vay, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất như: Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/3/2022 về gia hạn thời gian nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 về hỗ trợ lãi suất các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội và Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 21/5/2022 về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022⁵.

Chính phủ tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và thiên tai, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh dịp cuối năm 2021 và

⁴ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình

⁵ Dự kiến các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân với giá trị tiền thuê, tiền thuê đất, phí, lệ phí khoảng 233 nghìn tỷ đồng (Văn bản số 7908/BTC-CST ngày 09/8/2022)

những tháng đầu năm 2022 như: chính sách giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng, chương trình cho vay trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất; các giải pháp về miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán.

Tính đến hết tháng 7, tổng số tiền thuế, phí, lệ phí được giảm, gia hạn để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh ước khoảng 89,2 nghìn tỷ đồng. Trong đó: số tiền thuế gia hạn khoảng 43 nghìn tỷ đồng; số tiền miễn, giảm thuế, phí, lệ phí khoảng 46,2 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, tăng cường triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thông quan hàng hoá, đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu.

Tính đến ngày 22/7/2022, gói hỗ trợ người lao động theo Nghị quyết số 11/NQ-CP đã giải ngân khoảng 196,7 tỷ đồng hỗ trợ cho gần 340 nghìn người lao động đang làm việc trong 3,3 nghìn đơn vị sử dụng lao động; hỗ trợ 5,1 tỷ đồng cho gần 5000 người lao động quay trở lại làm việc tại khoảng 600 doanh nghiệp. Thị trường lao động dần phục hồi tích cực, trong 6 tháng đầu năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 51,4 triệu người cao hơn 0,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước; lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 50,3 triệu người, tăng 417 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ tăng cường năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được các bộ ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện. Ngày 26/08/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, theo đó tập trung vào các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất, chế biến; và hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

Nhìn chung, các chính sách, giải pháp chủ động, linh hoạt và kịp thời của Chính phủ đã giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, duy trì một mặt bằng tỉ giá, lãi suất hợp lý, cơ bản ổn định so với các nước lớn và trong khu vực đang chịu nhiều biến động, qua đó giúp xu hướng phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng được củng cố và phát triển tích cực.

Theo kết quả khảo sát nhanh doanh nghiệp trong Quý II năm 2022⁶, đa số các doanh nghiệp đều đánh giá cao mức độ hữu ích trong việc hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 theo Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9/9/2022 của Chính phủ, chính sách mở cửa nền kinh tế theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ, các chính sách giảm 2% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT), gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), tiền thuê đất và giảm tiền điện.

2. Tôn tại, hạn chế, nguyên nhân

Tuy nhiên, một số chính sách trong Chương trình phục hồi kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp còn có tỷ lệ giải ngân thấp, tình hình xây dựng một số văn bản

⁶ Cục Phát triển doanh nghiệp thực hiện trong khuôn khổ Dự án Tăng cường Năng lực Cạnh tranh của Khu vực Tư nhân (IPS-C)

hướng dẫn còn chưa bảo đảm được tiến độ yêu cầu đề ra. Đồng thời, việc thực hiện và giải ngân một số chính sách đã được ban hành còn chậm, đạt kết quả thấp, chưa hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vào thời điểm cần thiết, làm giảm hiệu quả của Chương trình⁷. Mức độ tiếp cận của doanh nghiệp với một số chính sách hỗ trợ của Chính phủ còn hạn chế.

Quy mô và kết quả hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn ở mức khiêm tốn do việc triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV từ nguồn ngân sách nhà nước (ngoại trừ hoạt động đào tạo) của các bộ, ngành và các địa phương về cơ bản chưa thể thực hiện do thiếu quy định hướng dẫn về cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nguyên nhân chủ yếu do: (i) tình hình thế giới biến động rất nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều diễn biến chưa có tiền lệ, khó khăn nhiều hơn thuận lợi, vượt khả năng dự báo của các tổ chức quốc tế và các nước dẫn đến việc tham mưu, đề xuất các chính sách còn bị động, chưa tính đến độ trễ trong triển khai cũng như chưa thể bao quát được hết các tình huống thực tế; (ii) kinh tế trong nước và khu vực doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, cần tích lũy để phục hồi trong khi nền kinh tế có độ mở lớn, chịu nhiều tác động bên ngoài; (iii) nguồn nhân lực để triển khai một số chính sách còn thiếu và yếu; một bộ phận cán bộ thực thi còn tâm lý tránh né, ngại ngần trong triển khai công vụ.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP 07 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

1. Kết quả đạt được

Nhờ nỗ lực kiểm soát dịch bệnh và việc triển khai các chính sách hỗ trợ phục hồi, phát triển doanh nghiệp kịp thời của Chính phủ cũng như nỗ lực vượt qua khó khăn, tinh thần đổi mới, chủ động thích ứng của cộng đồng doanh nghiệp, khu vực doanh nghiệp thời gian qua có nhiều tín hiệu phục hồi khởi sắc.

(i) Duy trì mức tăng trưởng tích cực về quy mô vốn và số lượng

Tính đến thời điểm 31/12/2021, cả nước có 857.551 doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 5,7% so với cùng thời điểm năm 2020, tăng 16,7% so với bình quân giai đoạn 2017-2020, trong đó: doanh nghiệp ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 1,4%; công nghiệp và xây dựng chiếm 31,5%; dịch vụ chiếm 67,1%.

- Trong 7 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp gia nhập và quay trở lại thị trường và nguồn vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế tăng mạnh. Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường với trên 130 nghìn doanh nghiệp, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2021, gấp 1,4 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; Về quy mô, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt trên 3,3 triệu tỷ đồng, tăng trên 37 % so với cùng kỳ năm 2021.

Có 15/17 ngành có số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, đáng chú ý là những tín hiệu tích cực từ sự phục hồi của các ngành liên quan đến lĩnh vực du lịch: Dịch vụ lưu trú và ăn uống (tăng 38,6%); Dịch vụ việc làm; du lịch (tăng 33,3%); Hoạt động dịch vụ khác (tăng 31,7%).

⁷ chính sách hỗ trợ người lao động tiền thuê nhà tại các khu vực công nghiệp, khu chế xuất mới giải ngân được hơn 5%.

Cả 06 khu vực trên cả nước đều có số doanh nghiệp đăng ký thành lập tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, 02 khu vực có sự gia tăng mạnh nhất là Đông Nam Bộ (35.683 doanh nghiệp, tăng 17,7%) và Đồng bằng Sông Hồng (26.925 doanh nghiệp, tăng 14,3%).

Doanh nghiệp thành lập mới tập trung chủ yếu có quy mô nhỏ (từ 0 - 10 tỷ đồng) với 80.107 doanh nghiệp (chiếm 89,6%, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm ngoái).

Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 7 tháng đầu năm 2022 là 620.975 lao động, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính đến tháng 7/2022, cả nước có 871.275 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có 11.894 doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (chiếm 1,4%); 272.015 doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng (chiếm 31,2%) và 587.366 doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ (chiếm 67,4%). Số vốn đăng ký của các doanh nghiệp đang hoạt động trong khu vực dịch vụ là 13,6 triệu tỷ đồng, chiếm 59,5% tổng số vốn của các doanh nghiệp đang hoạt động; khu vực công nghiệp và xây dựng là 8,8 triệu tỷ đồng, chiếm 38,3% và khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là 510 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,2%.

Theo địa bàn hoạt động, Vùng Đồng bằng sông Hồng có 275.934 doanh nghiệp đang hoạt động (chiếm 32%), Vùng Trung du miền núi phía Bắc là 37.787 doanh nghiệp (chiếm 4%), Vùng Bắc Trung bộ duyên hải miền Trung là 114.642 doanh nghiệp (chiếm 13%), Vùng Tây Nguyên là 23.710 doanh nghiệp (chiếm 3%), Vùng Đông Nam Bộ là 355.738 doanh nghiệp (chiếm 41%), Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là 63.464 doanh nghiệp (chiếm 7%).

(iii) Thị trường đặc biệt là thị trường nội địa của các doanh nghiệp trong một số ngành phục hồi trên 75%-85% so với thời điểm trước dịch bệnh Covid-19

Từ đầu năm 2022 đến nay, khi dịch bệnh dần được kiểm soát, doanh nghiệp trong một số ngành bị ảnh hưởng nặng nề như du lịch, hàng không, vận tải... đã có sự phục hồi ấn tượng. Thị trường đặc biệt là thị trường nội địa đã phục hồi trên 75% đến 85% so với trước khi có dịch Covid -19.

Du lịch đang tận dụng cơ hội để phục hồi sau đại dịch, thị trường nội địa phục hồi gần 100%, đặc biệt là sự bùng nổ của du lịch nội địa trong quý II năm nay do nhu cầu vui chơi và du lịch của người dân tăng cao trong dịp hè.

Thị trường vận tải ngành hàng không nội địa đã bắt đầu phục hồi, có lúc gần đạt các chỉ số cơ bản về khai thác hành khách và hàng hóa so với trước dịch. Trong 06 tháng đầu năm 2022, các hãng hàng không đã tổ chức khai thác hơn 140 nghìn chuyến bay, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2021, phục hồi gần 85% so với thời điểm 6 tháng đầu năm 2019.

Ngành sản xuất công nghiệp phục hồi tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng mức cao trong sáu tháng liên tiếp: tháng 2 tăng 9,2%, tháng 3 tăng 9,1%, tháng 4 tăng 10,7%, tháng 5 tăng 9,5%, tháng 6 tăng 9,1% và ước tháng 7 tăng 11,2%.

(iv) Doanh thu 7 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, một số ngành còn cao hơn so với cùng kỳ trước dịch.

Ngành xây dựng cũng phục hồi tích cực, một số doanh nghiệp có doanh số và sản lượng trong 6 tháng đầu năm 2022 tăng đến 300% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng ước tăng 16% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước giảm 0,3%).

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 7 tháng năm 2022 ước tăng 37,5% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu vui chơi và du lịch của người dân tăng cao trong dịp hè sau hơn 2 năm hạn chế đi du lịch và ăn uống ngoài gia đình (Riêng doanh thu tháng 7 tăng 134,7% so với cùng kỳ năm trước). Trong 6 tháng đầu năm 2022 doanh thu du lịch lữ hành tăng 94,4% và có một số tỉnh có sức tăng ấn tượng như Khánh Hòa tăng hơn 600%, Cần Thơ gần 200% và Hà Nội tăng 130%; trong khi khách quốc tế đến Việt Nam đạt 602 nghìn lượt, gấp 6,8 lần so với cùng kỳ năm 2021.

(v) Kim ngạch xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp tiếp tục tăng mạnh, là điểm sáng, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế

Các ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như điện tử, dệt may, da giày, nông, lâm, thủy sản, tiếp tục là điểm sáng, đóng góp cho nền kinh tế. Trong 7 tháng đầu năm: kim ngạch xuất khẩu sản phẩm điện tử máy tính và linh kiện ước đạt 31,7 tỷ USD; tăng 14,7% so với cùng kỳ; điện thoại và linh kiện ước đạt 33,7 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ; ngành dệt may đã xuất khẩu được 22,1 tỷ USD, tăng 19,8% so với cùng kỳ; Giày dép 14,1 tỷ USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ; Gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu đạt 9,7 tỷ USD, trong khi thủy sản ước đạt 6,6 tỷ USD, tăng 32,9% so với cùng kỳ năm trước; nông sản Việt tiếp tục có nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2022 như cà phê, cao su, điều, rau quả, gạo, và các mặt hàng này ngày càng có giá trị xuất khẩu tăng thay vì số lượng.

(vi) Niềm tin đầu tư kinh doanh tiếp tục được củng cố và có xu hướng tích cực

Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh trong quý II/2022 của Tổng cục Thống kê đối với các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Có 42,1% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn so với quý I/2022; 36,3% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 21,6% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn⁸. Dự kiến quý III/2022, có 49,2% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý II/2022; 35,8% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định và 15,0% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn. Trong đó, khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước lạc quan nhất với 85,5% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2022 tốt hơn và giữ ổn định so với quý II/2022; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Nhà nước lần lượt là 84,3% và 82,4%.

⁸ Chi số tương ứng của quý I/2021: Có 28,4% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn quý trước; 35,8% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 35,8% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn.

Nhận định khá tích cực này cũng được thể hiện trong kết quả khảo sát nhanh doanh nghiệp Quý II năm 2022⁹, doanh nghiệp vẫn tương đối khả quan về niềm tin kinh doanh trong quý III/2022, với 40,2% doanh nghiệp tin rằng sẽ mở rộng SXKD và có 51,5% doanh nghiệp nhận định sẽ giữ nguyên quy mô kinh doanh so với quý 2/2022. Trong khi đó, chỉ có 4,1% doanh nghiệp thay đổi lĩnh vực kinh doanh, 3,6% giảm quy mô kinh doanh, 0,5% tạm dừng hoạt động và không có doanh nghiệp nào dự kiến đóng cửa, giải thể.

Giáo dục và đào tạo; du lịch, dịch vụ lưu trú và ăn uống; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là những lĩnh vực có tỷ lệ doanh nghiệp có ý định mở rộng quy mô kinh doanh cao nhất. Trong khi đó, các doanh nghiệp trong lĩnh vực bán buôn và bán lẻ; xây dựng; dịch vụ thông tin, xuất bản phần mềm và lập trình máy vi tính có xu hướng giữ nguyên quy mô kinh doanh.

2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân chủ yếu

Mặc dù hiện nay, khu vực doanh nghiệp đang có sự phục hồi tích cực, nhưng thực tế các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu và thiếu cả về số lượng và chất lượng.

2.1. Hạn chế

Số doanh nghiệp thành lập mới, quay trở lại hoạt động tăng đáng kể nhưng tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, dừng hoạt động vẫn còn ở mức cao. Năm 2021 số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có đăng ký: cả nước có 54.960 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có đăng ký, tăng 18,0% so với năm 2020, tăng 90,8% so với bình quân giai đoạn 2016-2020, số doanh nghiệp giải thể: cả nước có 16.741 doanh nghiệp giải thể, giảm 4,1% so với năm 2020, tăng 11,3% so với bình quân giai đoạn 2016-2020; số lượng doanh nghiệp giải thể bằng 14,3% so với số lượng doanh nghiệp thành lập mới.

Theo khu vực kinh tế: Năm 2021, khu vực dịch vụ có số lượng doanh nghiệp giải thể nhiều nhất, với 12.233 doanh nghiệp, chiếm 73,1% doanh nghiệp giải thể cả nước, giảm 8,0% so với năm 2020; khu vực công nghiệp và xây dựng có 4.101 doanh nghiệp giải thể, tăng 7,0%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có 407 doanh nghiệp giải thể, tăng 21,1%. So với bình quân giai đoạn 2016-2020, doanh nghiệp giải thể khu vực dịch vụ tăng 11,5%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,6%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,1%.

Theo địa phương: Năm 2021, 2/63 địa phương có trên 1000 doanh nghiệp giải thể, gồm: Thành phố Hồ Chí Minh có 4.033 doanh nghiệp, giảm 31,9% so với năm 2020; Hà Nội có 3.094 doanh nghiệp, tăng 23,3%. Có 35/63 địa phương có số doanh nghiệp giải thể năm 2021 tăng so với năm 2020; có 28/63 địa phương có số doanh nghiệp giải thể năm 2021 giảm so với năm 2020.

Trong 7 tháng đầu năm 2022, có 94.575 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, phần lớn là các doanh nghiệp lựa chọn hình thức tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn (56.014 doanh nghiệp, chiếm 59,2% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 7 tháng

⁹ Khảo sát nhanh doanh nghiệp quý II năm 2022 do Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thực hiện trong khuôn khổ Dự án USAID IPSC

đầu năm 2022).

Hiện nay, khu vực doanh nghiệp thiếu vắng lực lượng các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, nếu có thì vẫn còn quá nhỏ bé so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đa số doanh nghiệp của nước ta có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa, chiếm gần 98% tổng số doanh nghiệp. Mặc dù đã có dấu hiệu chuyển biến tích cực trong 2 năm trở lại đây, số lượng doanh nghiệp cỡ vừa đang tăng lên và chiếm tỷ trọng khoảng 3,5%, nhưng vẫn là rất khiêm tốn so với các nước khác trong khu vực (trung bình phải đạt khoảng 5-10%).

Bên cạnh đó, năng lực khoa học công nghệ của các doanh nghiệp còn hạn chế, có nơi còn lạc hậu; doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư cho ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ tiên phong. Trình độ quản trị doanh nghiệp còn yếu và thấp, thiếu lao động có chất lượng cao, có kỹ năng, tay nghề. Mới chỉ có 21% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia được một phần chuỗi giá trị toàn cầu, 14% thành công trong việc liên kết với đối tác nước ngoài, trong khi số doanh nghiệp FDI đầu tư tại Việt Nam là rất nhiều.

Nhiều doanh nghiệp còn nặng tư duy kinh doanh chụp giật, thiếu tầm nhìn chiến lược dài hạn, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng, xã hội còn hạn chế, nhất là về nghĩa vụ thuế, bảo vệ môi trường, chống gian lận thương mại...

Ngoài ra, tính liên kết, văn hóa hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam còn mang tính hình thức, chưa thực sự tạo thành khối liên kết để cùng nhau phát triển; chưa nhìn được giá trị lợi ích chung của việc hợp tác, liên kết, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn hơn.

2.2 Khó khăn, thách thức và nguyên nhân

Tuy nhiên, các hiệp hội, doanh nghiệp cũng nhận định kết quả 7 tháng đầu năm đối với một số ngành hàng chưa đạt được như kỳ vọng¹⁰, tình hình sản xuất kinh doanh trong các tháng cuối năm 2022 dự kiến tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thế giới biến động rất nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo của các tổ chức quốc tế và các quốc gia trên thế giới; rủi ro, bất định ngày càng gia tăng, biến động về dịch bệnh, chính sách ngày càng nhanh chóng cho đến các yếu tố chủ quan như: chính sách, pháp luật trong nước còn một số vướng mắc đã tồn tại từ lâu nhưng chưa được quan tâm giải quyết, bộ máy thực thi của chính quyền còn hạn chế... gây ảnh hưởng đến khả năng phục hồi của doanh nghiệp và nền kinh tế. Điều này đòi hỏi các cấp, các ngành phải nhanh chóng nhận diện tình hình, xác định thuận lợi, cơ hội, khó khăn, thách thức để đề xuất các giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới.

Theo phản ánh của các doanh nghiệp, hiện có 05 nhóm vấn đề khó khăn, thách thức chủ yếu sau:

(i) Các vướng mắc, rào cản về pháp lý tồn tại từ lâu chưa được giải quyết triệt để gây khó khăn cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh.

¹⁰ Phần lớn các doanh nghiệp xây dựng chỉ đạt từ 20-40% kế hoạch cả năm 2022.

- Khó khăn về pháp lý hoặc thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án bất động sản kéo dài nhiều năm nhưng chưa được quan tâm giải quyết triệt để; các quy chuẩn về môi trường trong sản xuất chế biến thủy sản, tiêu chuẩn về mã vùng trồng theo Luật Trồng trọt...

- Một số quy định tại các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật còn tạo thêm thủ tục mới, rào cản mới đối với hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ví dụ:

+ Hiện tại và cả dự thảo QCVN do Tổng cục Môi trường đang chủ trì dự kiến sắp ban hành thì nước thải từ ao nuôi thủy sản tập trung đang bị áp vào chung QCVN về nước thải công nghiệp, trong khi chăn nuôi lại có quy chuẩn riêng. Các tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thật sự không phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, là mức yêu cầu đặt ra các thách thức lớn trong xử lý nước thải nông nghiệp nói chung và nuôi trồng thủy sản nói riêng, một cách không cần thiết và giảm tính cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam.

+ Theo dự thảo quy chuẩn nước thải công nghiệp (bãi bỏ QCVN-11/2015 về nước thải chế biến thủy sản) thì quy định về ngưỡng chỉ tiêu phospho đối với nước thải chế biến thủy sản sau xử lý đang quá thấp (*chỉ 4-6ppm, so với mức 20ppm của QCVN-11/2015*) và chưa xét đến yếu tố đặc thù của ngành cũng như hiện hữu chưa có giải pháp công nghệ để đáp ứng đặc thù nước thải của thủy sản (phospho hữu cơ đầu vào cao). Doanh nghiệp thủy sản đang gặp thách thức lớn và chưa tìm ra được công nghệ xử lý.

(ii) Giá xăng dầu, nhiên, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao làm tăng chi phí của doanh nghiệp

Việc giá xăng dầu, nhiên, nhiên vật liệu đầu vào, chi phí logistics tăng cao làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh. Giá xăng dầu tăng cao đồng thời cũng làm tăng chi phí vận chuyển, logistics nội địa, tạo áp lực tăng giá và lạm phát trong nước. Trong khi đó, giá đầu ra chưa tăng hoặc tăng cầm chừng do cần kích cầu, thu hút khách hàng sau khi mở cửa nền kinh tế đã ảnh hưởng nặng nề đến lợi nhuận của doanh nghiệp, dẫn đến thiệt hại tài chính, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp xây dựng, giá nguyên liệu tăng dẫn đến giá thành gói thầu tăng từ 18-30% theo từng thời điểm¹¹, dẫn đến tình trạng “càng làm càng lỗ”. Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu như da giày, dệt may, thủy sản... lại chịu áp lực từ chi phí logistics (vận tải biển) tăng cao từ 3 - 5 lần, khan hiếm nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào...

Các khó khăn nêu trên làm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc một số ngành, lĩnh vực còn hạn chế, chưa hồi phục được quy mô như mức trước dịch Covid-19, ảnh hưởng đến quá trình phục hồi của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Đồng thời, tạo hệ lụy đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội như: nhà thầu trong nước có xu hướng không nhận thầu công trình đầu tư công mà tìm kiếm gói thầu ở các dự án FDI¹², thiếu hụt nhân công thực hiện các dự án

¹¹ Giá thép từ đầu năm 2021 đến nay đã tăng 20-60%, giá xi măng từ 1.400đ/kg tại Quý IV năm 2020 đến nay là 1.980đ/kg, giá nhựa đường từ 11.000đ/kg đến nay là 15.500đ/kg

¹² Do cơ chế giá hợp lý, bám sát biến động thị trường nguyên vật liệu, cơ chế thanh toán linh hoạt, sòng phẳng.

đầu tư công trọng điểm, làm giảm hiệu quả vốn đầu tư và lâu dài là năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; ngư dân đánh bắt thủy sản không ra khơi do doanh thu không đủ bù chi phí xăng dầu, làm giảm sản lượng khai thác thủy sản và ảnh hưởng đến chủ quyền biển, đảo của nước ta...

Qua khảo sát nhanh các doanh nghiệp¹³, mặc dù có sự gia tăng về doanh thu nhưng điểm đáng quan ngại là mức độ tăng về các chi phí của doanh nghiệp (đặc biệt là chi phí logistics, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vốn) trong quý II/2022 so với quý liền trước và cùng kỳ năm ngoái đang ở mức cao hơn so với mức độ tăng về doanh thu trong quý II/2022. Thách thức về sự gia tăng hàng loạt các chi phí là điều mà doanh nghiệp vẫn tiếp tục quan ngại trong quý 3/2022, khi chỉ số chi phí của doanh nghiệp vẫn neo ở mức cao¹⁴

(iii) Thiếu hụt lao động cục bộ tại một số ngành nghề, lĩnh vực; chi phí liên quan đến người lao động tăng

Việc thiếu hụt, khan hiếm xảy ra ở một số ngành nghề, lĩnh vực do sau dịch Covid-19, người lao động có xu hướng không quay trở lại các đô thị, vùng kinh tế lớn, trọng điểm, thay vào đó tìm kiếm công việc ở các ngành nghề ít phải xa quê. Điều này dẫn đến sự mất cân đối cung - cầu thị trường lao động, đặc biệt ở các khu công nghiệp, khu chế xuất. Trong một số ngành thiếu lao động và thách thức cho việc đảm bảo năng lực sản xuất, cung ứng hàng hóa cho thế giới, như ngành chế biến thủy sản.

Đồng thời, Nghị định số 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định tăng mức lương tối thiểu từ ngày 01/7/2022 khoảng 6% so với trước. Theo phản ánh của các doanh nghiệp, trên thực tế mức lương doanh nghiệp trả cho người lao động cao hơn mức lương tối thiểu, việc tăng lương tối thiểu không làm tăng thêm thu nhập của người lao động mà việc tăng lương có thể tạo áp lực cho doanh nghiệp do phải tăng các khoản chi phí được tính tỷ lệ theo lương trong khi giá bán không thể thay đổi đối với đơn hàng đã ký kết, gây khó khăn cho quá trình phục hồi sau dịch Covid-19, đặc biệt đối với những ngành sử dụng nhiều lao động như xây dựng, dệt may, da giày - túi xách, thủy sản, công nghiệp...

(iv) Khó khăn tiếp cận tín dụng, huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh

Một trong những khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp hiện nay là thiếu hụt dòng vốn, song khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng lại đang hạn chế. Kết quả nghiên cứu, điều tra, khảo sát của VCCI cho thấy có tới 47% doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn, 4% doanh nghiệp phải huy động vốn từ các nguồn tín dụng khác. Đại diện các hiệp hội cũng phản ánh việc tiếp cận chính sách hỗ trợ 2% lãi suất cho vay trên thực tế là rất khó khăn với thủ tục và điều kiện khắt khe, phức tạp, có thể xảy ra tình trạng doanh nghiệp chưa thực hiện xong thủ tục vay vốn thì chính sách đã hết hiệu lực.

¹³ Theo khảo sát nhanh gần 250 doanh nghiệp của Cục PTĐN trong khuôn khổ Dự án USAID IPS-C

¹⁴ Trong quý 3/2022, chỉ có 3-6% doanh nghiệp cho rằng các chi phí sẽ giảm so với quý 2/2022, 24-52% doanh nghiệp cho rằng các khoản mục chi phí sẽ giữ nguyên và có đến 45-67% doanh nghiệp nhận định xu hướng gia tăng chi phí sẽ tiếp diễn.

(v) Cung và cầu bị ảnh hưởng lớn, tình trạng thiếu linh kiện, nguyên phụ liệu đầu vào để sản xuất, giảm đơn hàng cuối năm đang gia tăng

Trong nước, dịch Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát, tuy nhiên rủi ro bùng phát dịch bệnh vẫn luôn thường trực khi các biến chủng mới đã bắt đầu xâm nhập vào nước ta và hiệu lực của vắc-xin đã tiêm giảm dần theo thời gian. Rủi ro của dịch Covid-19 khiến một số doanh nghiệp có tâm lý sản xuất cầm chừng, ngần ngại mở rộng quy mô sản xuất, chưa phục hồi quy mô như trước dịch. Đồng thời, nhiều quốc gia là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan... vẫn đang áp dụng các biện pháp chống dịch nghiêm ngặt, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chuỗi cung ứng nguyên, phụ liệu và tiêu thụ sản phẩm của Việt Nam. Diễn hình như trong lĩnh vực điện tử tình trạng thiếu linh kiện để sản xuất, cung linh kiện không đủ cầu. Trong lĩnh vực dệt may, bước sang quý II năm 2022, tình hình chiến sự Nga – Ukraina, giá dầu tăng, dịch bệnh phức tạp, lạm phát tăng cao khiến sức mua giảm mạnh, hàng tồn không bán được, các nhãn hàng trên thế giới không ký đơn hàng mới, do đó đến tháng 9-10, tình trạng thiếu đơn hàng sẽ ngày một gia tăng.

III. CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cơ hội và thách thức

(i) Cơ hội

- Kinh tế Việt Nam trong nước đang có điều kiện thuận lợi. Sản xuất kinh doanh đang có sự phục hồi khá ổn định, triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn khá khả quan, việc triển khai Chương trình phục hồi kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ hơn sẽ là động lực cho tăng trưởng kinh tế, sự phục hồi và phát triển của doanh nghiệp trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

- Các tổ chức quốc tế đều đưa ra những dự báo khá lạc quan hơn. Mới đây, S&P Global Rating (S&P) đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+ với triển vọng “ổn định”. Các tổ chức, chuyên gia kinh tế đều chung nhận định áp lực lạm phát sẽ tăng, song Việt Nam vẫn có thể kiểm soát lạm phát dưới mức 4% trong năm 2022.

- Các hiệp định thương mại tự do mới tạo lợi thế lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; sự dịch chuyển của các dòng vốn đầu tư nước ngoài; cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế số, kinh tế xanh đang tạo ra xu hướng tiêu dùng mới; các mô hình kinh doanh mới, đem lại cơ hội thị trường để hình thành các chuỗi giá trị, liên kết mới. Nhiều nhà đầu tư, quỹ đầu tư nước ngoài quan tâm đầu tư đến lĩnh vực thanh toán điện tử, bán lẻ, giáo dục, y tế.

- Với triển vọng tăng trưởng kinh tế tích cực, sự ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được cải thiện, niềm tin của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài được củng cố, mở cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Đây là những cơ hội giúp cho doanh nghiệp Việt Nam có thể nắm bắt, kiến tạo và làm chủ cuộc chơi mới, thiết lập trật tự thương mại mới.

(ii) Thách thức

- Nguy cơ dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại là hiện hữu, số ca mắc mới liên tục tăng tại một số quốc gia như Nhật Bản, Châu Âu và các nước Đông Nam Á, các biến thể mới xuất hiện; trong khi đó tốc độ tiêm chủng vaccine Covid-19 ở Việt Nam đang có xu hướng chậm lại. Nguy cơ “dịch chồng dịch”, vấn đề biến đổi khí hậu, hạn hán, lũ lụt diễn biến phức tạp, bất thường sẽ tiếp tục ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh.

- Sự phục hồi chậm và khó khăn của các đối tác thương mại lớn; khả năng xảy ra suy thoái kinh tế thế giới ngắn hạn đang gia tăng; lạm phát tăng cao, nhiều khả năng trở thành vấn đề dai dẳng trong trung hạn; các nước tiếp tục điều chỉnh chính sách tiền tệ nhanh hơn, mạnh hơn, tiềm ẩn rủi ro đến ổn định thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu; xung đột tại Ucraina có thể kéo dài, mới đây là diễn biến phức tạp ở khu vực biển Đông diễn biến phức tạp sẽ không chỉ ảnh hưởng đến giá xăng dầu, chi phí vận tải, logistics, chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng, mà còn tiềm tàng rủi ro đến ổn định chính trị khu vực, toàn cầu; nguy cơ khủng hoảng an ninh năng lượng, lương thực.

- Sự dịch chuyển chuỗi giá trị, xu hướng thị trường theo hướng sản xuất và tiêu dùng bền vững, cam kết của Việt Nam khi tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26), các ưu tiên trong các khuôn khổ hợp tác quốc tế ASEAN, APEC về kinh doanh bền vững, sản xuất xanh; vấn đề thuế cacbon, công cụ kiểm chứng carbon đang áp dụng ngày càng ở nhiều nước trên thế giới đang đặt ra những thách thức cần phải đổi mới cho các doanh nghiệp Việt Nam để bắt kịp xu thế, mô hình kinh doanh mới nếu không sẽ bị giảm sức cạnh tranh và bị mất cơ hội tham gia và tiến sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trong khi nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của công nghệ, chuyển đổi số, còn đi sau thế giới về mặt công nghệ, chưa làm chủ được các công nghệ lõi, công nghệ nền tảng, dẫn đến nguy cơ tụt hậu, giảm sức cạnh tranh trên thị trường.

2. Quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trong thời gian tới

Trong bối cảnh thách thức vây quanh là rất lớn, để hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất một số quan điểm và 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới, trong đó 04 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai ngay, 04 nhóm nhiệm vụ giải pháp có tính dài hạn, cụ thể như sau:

2.1 Quan điểm:

- Hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp phát triển, coi việc tháo gỡ các rào cản, khó khăn cho doanh nghiệp là nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Nâng cao tinh thần đồng hành, chia sẻ, sát cánh cùng cộng đồng doanh nghiệp. Tập trung triển khai ngay các giải pháp nhằm tháo gỡ những vấn đề cấp bách của doanh nghiệp để khơi thông các điểm nghẽn, tạo đà phục hồi nhanh và phát triển bền vững.

- Nỗ lực cao nhất, cần đặc biệt quan tâm, không lơ là, chủ quan, không nóng vội nhưng cần bám sát tình hình, chủ động, linh hoạt, quyết liệt, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất toàn diện các chính sách, giải pháp nhằm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, đồng thời chống suy giảm đà phục hồi, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho các doanh nghiệp yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Chủ động xây dựng chính sách và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết triển khai các giải pháp dài hạn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng với các biến động trong tương lai, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, đón đầu các xu hướng kinh doanh mới, xu hướng thị trường mới để có thể vươn lên, bắt kịp và tiến cùng với thế giới.

2.2 Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

A. Đối với các Bộ, ngành và địa phương:

a. 04 Nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai ngay trong ngắn hạn:

Thứ nhất, khẩn trương tháo gỡ các vướng mắc, rào cản về pháp lý tồn tại chưa được giải quyết triệt để, thúc đẩy giải ngân đầu tư công để khơi thông nguồn lực cho đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện rà soát, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án đầu tư đã được cấp phép, chưa triển khai hoặc đang triển khai nhằm khơi thông nguồn lực đầu tư cho sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế; đồng thời đẩy mạnh công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

- Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân địa phương khẩn trương nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn về pháp lý hoặc thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án bất động sản.

- Bộ Giao thông vận tải, các bộ, ngành liên quan và các địa phương đẩy mạnh công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, khơi thông nguồn lực cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ Tài chính chỉ đạo Tổng cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, đơn giản hóa tối đa các quy trình hành chính hiện tại hoặc xem xét áp dụng các quy trình xuất, nhập khẩu ưu tiên để hỗ trợ các doanh nghiệp tối ưu thời gian, chi phí ở các khâu thực hiện trong nước nhằm đẩy nhanh quy trình, thủ tục nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu hay đẩy nhanh xuất khẩu các sản phẩm nông sản, xuất các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ đạo.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu chỉnh sửa các quy định phân loại và chỉ tiêu phốt pho nước thải từ ao nuôi thủy sản tập trung phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng công nghệ, yếu tố đặc thù của ngành nuôi trồng thủy sản và thông lệ khu vực

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan nghiên cứu, đẩy mạnh các giải pháp khắc phục “thẻ vàng” IUU của Liên minh Châu Âu; tìm kiếm, xúc tiến thị trường mới cho hoạt động xuất khẩu nông sản Việt Nam.

- Bộ Công an nghiên cứu, rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án xây dựng, đơn giản hoá thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Các địa phương đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện quy hoạch của tỉnh, sớm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thứ hai, tiếp tục hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

+ Nghiên cứu, hoàn thiện trình Chính phủ phương án giảm thuế giá trị gia tăng và tiêu thụ đặc biệt đối với xăng dầu; tiếp tục đẩy mạnh công tác dự báo, phối hợp hiệu quả giữa chính sách tiền tệ, tài khoá với các chính sách vĩ mô khác và triển khai hỗ trợ một số đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề của giá xăng dầu như hỗ trợ ngư dân bám biển, hỗ trợ doanh nghiệp vận tải, người thu nhập thấp.

+ Khẩn trương nghiên cứu, báo cáo về đề xuất miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân trong một số ngành bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19.

+ Khẩn trương ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước vốn chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài chính đề xuất chính sách hỗ trợ chi phí xăng dầu phù hợp để giúp ngư dân vươn khơi, bám biển.

- Bộ Xây dựng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương khẩn trương công bố giá và chỉ số giá các loại vật liệu theo tháng, phù hợp với diễn biến thị trường trong điều kiện giá cả hàng hoá, nguyên nhiên vật liệu cho đầu tư kết cấu hạ tầng thay đổi nhanh, tạo điều kiện tính đúng, tính đủ chi phí cho các dự án đầu tư xây dựng từ nguồn đầu tư công, nhất là các dự án trọng điểm quốc gia.

- Bộ Công Thương:

- Tăng cường theo dõi, đề nghị các đầu mối bán lẻ xăng dầu thực hiện đúng quy định về dự trữ lưu thông, không để thiếu nguồn cung mặt hàng xăng dầu; chủ động tính toán, có giải pháp để tự chủ nguồn cung trong nước.

+ Nghiên cứu đề xuất sửa đổi Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, nghiên cứu bổ sung đối tượng “cơ sở lưu trú du lịch” áp dụng giá bán lẻ điện bằng với giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

+ Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam khẩn trương nghiên cứu xây dựng phương án giảm tiền điện, đề xuất Bộ Công Thương theo tinh thần tại điểm h, khoản 3, Điều II, Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/01/2022.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

+ Tiếp tục có các giải pháp đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích phát triển theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính

phủ; đẩy mạnh triển khai Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 05 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

+ Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sớm hoàn thành đánh giá tác động, đề xuất giải pháp thiết thực để hỗ trợ người lao động, chia sẻ, đồng hành với doanh nghiệp, hợp tác xã vượt qua khó khăn do dịch COVID-19 theo điểm i khoản 3 Mục III Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai phương án giảm tiền sử dụng nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

Thứ ba, khắc phục đứt gãy chuỗi cung ứng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, hiệp hội ngành hàng đẩy mạnh triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đa dạng hóa nguồn cung, đối tác, nhà cung cấp nguồn cung nguyên, nhiên, phụ liệu, linh kiện đầu vào đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; mở rộng thị trường trong nước; tái cơ cấu mặt hàng và thị trường, tránh tình trạng lệ thuộc vào một số thị trường nhất định; liên kết các doanh nghiệp, sử dụng hàng hóa của nhau, giữ vững và chiếm lĩnh thị trường trong nước.

- Bộ Ngoại giao chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tích cực hỗ trợ doanh nghiệp kết nối đối tác, thâm nhập thị trường; đẩy mạnh công tác vận động, khuyến khích doanh nhân, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài giao lưu, kết nối, hợp tác đầu tư, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường các nước.

Thứ tư, tập trung giải quyết tình trạng khan hiếm lao động cục bộ ở một số ngành, lĩnh vực, địa bàn; đẩy mạnh triển khai chính sách, giải pháp hỗ trợ người lao động, đào tạo kỹ năng người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu thiếu hụt thị trường.

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì:

+ Phối hợp với Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các địa phương đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động, đảm bảo đúng đối tượng, tránh trục lợi.

+ Phối hợp với các địa phương tập trung giải quyết tình trạng khan hiếm lao động cục bộ ở một số ngành, lĩnh vực, địa bàn; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động "gấp" cung ứng cho doanh nghiệp; trước mắt, tập trung triển khai ở một số ngành, lĩnh vực có nguy cơ thiếu hụt nhiều nhất.

- Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi đối với đối tượng ưu tiên tại Chương trình phục hồi kinh tế; nghiên cứu đề xuất Chính phủ xem xét phương án tiếp tục kéo dài chương trình cho vay lãi suất 0% trả lương phục hồi sản xuất¹⁵ đối với các lĩnh vực vận tải,

¹⁵ Chính sách này được thực hiện trong thời gian từ ngày 1/5/2021 đến hết ngày 31/3/2022, được nêu trong điểm b khoản 11 Điều II, Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01/07/2021.

hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và ăn uống và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài cho đến hết ngày 31/12/2022 hoặc cho đến khi giải ngân hết nguồn vốn cân đối cho chương trình.

- Các địa phương bố trí đầy đủ nhân sự nhằm đẩy nhanh tiến độ thẩm tra, giải ngân gói hỗ trợ nhà trọ cho người lao động; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp trong quy trình quản lý và xét duyệt hồ sơ trên hệ thống trực tuyến, tạo thuận lợi cho người lao động và doanh nghiệp thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

b. 04 Nhóm nhiệm vụ, giải pháp có tính dài hạn

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thực chất thủ tục hành chính

- Các bộ, ngành, địa phương:

+ Tập trung giải quyết các bất cập do quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật còn chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng và tài nguyên, môi trường; thực hiện tích hợp các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật; chủ động hoặc đề xuất cấp thẩm quyền cắt giảm hoặc đơn giản hoá các quy định về trình tự, thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh do cấp mình quản lý; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, không xây dựng, ban hành các thủ tục, rào cản mới cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, trừ trường hợp cần thiết và phải đánh giá tác động, cân nhắc kỹ lưỡng về tác động tới doanh nghiệp.

+ Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy hoạch thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý làm cơ sở cho doanh nghiệp xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư, sản xuất kinh doanh có tầm nhìn dài hạn, bền vững.

+ Tổ chức đối thoại định kỳ giữa các bộ, ngành, chính quyền địa phương và doanh nghiệp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và đánh giá thực chất quá trình xử lý kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả đầu tư công; khuyến khích đầu tư của khu vực doanh nghiệp góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

- Bộ Tài chính:

+ Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhằm đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả, đáp ứng vai trò là kênh dẫn vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế; có biện pháp tăng cường giám sát, kiểm tra đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu sử dụng vốn sai mục đích, vi phạm công bố thông tin; rà soát, nâng cao các điều kiện về nhà đầu tư chứng khoán cá nhân chuyên nghiệp, các tổ chức kiểm toán, định giá tài sản, áp dụng xếp hạng tín nhiệm; đề xuất các kịch bản chủ động xử lý các tình huống rủi ro liên quan đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp có thể xảy ra nhằm tránh ảnh hưởng đến hệ thống tài chính và gây bất ổn kinh tế-xã hội.

+ Tiếp tục thực hiện cải cách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, đặc biệt là nội dung liên quan đến hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán nhằm giảm dần sự khác biệt giữa chính sách thuế của doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

- Bộ Công Thương:

+ Đẩy mạnh triển khai Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025 và Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025” để kích cầu tiêu dùng nội địa.

+ Xây dựng và triển khai các giải pháp phát triển một số tập đoàn bán lẻ lớn trong nước và có khả năng cạnh tranh trong khu vực, có vai trò nòng cốt, dẫn dắt thị trường theo Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển các ngành dệt may – da giày, ô tô, thép, giấy, thực phẩm, đồ uống..., trình cấp có thẩm quyền nhằm tạo điều kiện hình thành các khu công nghiệp lớn, đồng bộ, thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu của đối tác, thị trường về sản xuất kinh doanh bền vững.

- Bộ Tư pháp tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

+ Chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ theo cơ chế thị trường, kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý. Phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa chính sách tiền tệ với chính sách tài khoá và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Bảo đảm lãi suất và tỉ giá hối đoái ổn định, phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và thị trường.

+ Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển thương mại điện tử; ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục hành chính, tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước; tăng cường công tác hậu kiểm đi cùng với chế tài xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan cần giảm tối đa các hoạt động thanh tra, xây dựng Chỉ thị thay thế Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/5/2017 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; đặc biệt giảm triệt để việc chồng chéo trong hoạt động thanh kiểm tra thuế, bảo hiểm xã hội và các hoạt động kiểm tra chuyên ngành khác.

Thứ hai, thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Đẩy mạnh triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, năng lực và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

+ Vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nhằm thực hiện hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học và công nghệ; tổ chức hiệu quả Diễn đàn thường niên kết nối quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo Việt Nam và Mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia.

- Bộ Thông tin và Truyền thông:

+ Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia về phát triển doanh

nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030; xây dựng cơ sở hạ tầng mới (như mạng 5G, trung tâm dữ liệu...).

+ Nghiên cứu xây dựng cơ chế minh bạch về nguồn dữ liệu mở thuộc khu vực công tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ tiếp cận nguồn tài nguyên số để phát triển các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo.

- Bộ Khoa học và Công nghệ:

+ Nghiên cứu, đẩy mạnh phát triển lực lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp đủ điều kiện được hưởng các chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp, đất đai, tín dụng theo quy định.

+ Nghiên cứu đề xuất và triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các chương trình cấp quốc gia thuộc quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bộ Tài chính:

+ Nghiên cứu tham mưu cho Chính phủ hoặc cấp thẩm quyền thực hiện các “đòn bẩy chính sách” dựa trên cơ chế ưu đãi về thuế, phí cho nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, doanh nghiệp có dự án đầu tư gắn với các ngành, lĩnh vực trọng tâm quốc gia và xu thế thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển các sản phẩm, dịch vụ giá trị gia tăng cao.

+ Nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển thị trường giao dịch vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (start-up).

+ Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, huy động nguồn lực của xã hội, cụ thể hoá các chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, lộ trình thực hiện.

e) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển thương mại điện tử; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, chuyên giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp.

Thứ ba, hỗ trợ tái cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và cách mạng công nghiệp 4.0

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Hoàn thiện hướng dẫn hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NQĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách về liên kết, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong liên kết, hợp tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao sau đào tạo.

+ Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức các phiên giao dịch việc làm, hỗ trợ người sử dụng lao động tuyển dụng bằng hình thức trực tuyến; Tổ chức các hoạt động kết nối, giao dịch việc làm có sự liên kết giữa các địa phương trong vùng, liên vùng hoặc trên toàn quốc. Đầu tư hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến hiện đại để trực tiếp kết nối giữa người lao động, người sử dụng lao động, không bị rào cản về không gian địa lý.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực phục vụ đổi mới sáng tạo và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong những ngành, lĩnh vực kinh tế trọng tâm quốc gia, tiệm cận trình độ quốc tế đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong tình hình mới; tham mưu cơ chế, chính sách thiết thực để huy động và sử dụng hiệu quả mạng lưới tri thức người Việt Nam trong và ngoài nước, hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao ở nhiều cấp bậc.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực hàng năm triển khai hoạt động hỗ trợ đào tạo, tư vấn khởi nghiệp kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp; nâng cao kỹ năng, chuyển đổi ngành, nghề cho người lao động.

Thứ tư, tăng cường hiệu quả triển khai các chính sách và nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập quốc tế, nắm bắt và đón đầu các xu hướng kinh doanh mới, xu hướng thị trường mới

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội doanh nghiệp nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích hình thành lực lượng doanh nghiệp tư nhân có vai trò dẫn dắt trong một số ngành kinh tế trọng điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo xu hướng xanh và bền vững.

+ Đẩy mạnh thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa với trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia cụm liên kết chuỗi giá trị; triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025, trong đó hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh doanh bao trùm và kinh doanh bền vững.

- Bộ Tài chính:

+ Ưu tiên cân đối, bố trí nguồn ngân sách để hỗ trợ triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh bền vững, chuyển đổi cơ cấu, công nghệ sang hướng hiện đại, giảm thải carbon.

+ Rà soát, đánh giá các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 34/2018/NĐ-CP của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và kiến nghị giải pháp tháo gỡ.

- Bộ Công Thương đẩy mạnh triển khai và đa dạng hóa hình thức các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, phát triển thị trường trong nước, xây dựng thương hiệu quốc gia; tăng cường đào tạo, tư vấn, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để tận dụng lợi thế của các hiệp định thương mại tự do, nắm vững các yêu cầu, điều kiện kỹ thuật, kinh doanh bền vững, giảm thải carbon của đối tác và thị trường quốc tế; triển khai có hiệu quả hệ thống thông tin thương mại cảnh báo sớm, nhằm cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để tránh các vụ kiện bán phá giá, hay các thông tin liên quan khi tiếp cận thị trường xuất khẩu.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Công Thương đẩy mạnh triển khai các giải pháp hỗ trợ hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu và truy xuất nguồn gốc đối với các hàng hóa, nông sản, thực phẩm thiết yếu, tận dụng sức mua của thị trường nội địa; nghiên cứu đề xuất phát triển vùng nguyên liệu trong nước phục vụ sản xuất nông nghiệp để thay thế nguyên liệu nhập khẩu nhằm chủ động nguồn cung và giá.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục có các giải pháp đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là tín dụng xanh, trong đó có các gói tài chính cho vay ưu đãi dành cho doanh nghiệp trong việc chuyển đổi cơ cấu, công nghệ sang hướng hiện đại, giảm thải carbon; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển tài chính sáng tạo, sản phẩm tài chính thay thế bên cạnh kênh tín dụng trung, dài hạn truyền thống của ngân hàng.

B. Đối với các hiệp hội doanh nghiệp

- Các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp cần chủ động nghiên cứu, đánh giá thách thức, thời cơ, xu hướng kinh doanh, xu hướng thị trường mới của ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các yêu cầu về kinh doanh bền vững, kinh doanh xanh; kịp thời chia sẻ, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp hội viên và ngành hàng.

- Chủ động tăng cường tính liên kết giữa các doanh nghiệp hội viên, hợp tác cùng phát triển. Đồng thời, đề xuất với Chính phủ các giải pháp, sáng kiến để hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững.

- Đại diện và tăng cường quyền lợi cho các hội viên của mình trong các quan hệ trong nước và quốc tế; làm cầu nối, vận động chính sách, duy trì đối thoại với Chính phủ và quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong nước, nước ngoài về luật và chính sách điều chỉnh hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp.

- Cung cấp cho doanh nghiệp hội viên các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, sản phẩm; đào tạo nhân lực; cung cấp thông tin; tư vấn đầu tư; tư vấn kỹ thuật, tổ chức hội chợ thương mại, hội thảo, hội nghị chuyên đề, mở rộng giao lưu quan hệ kinh doanh.

C. Đối với các doanh nghiệp

- Chủ động tìm hiểu, nắm bắt và đón đầu các xu hướng kinh doanh mới; đổi mới mô hình sản xuất kinh doanh thích ứng với các biến động khách quan, hướng tới kinh doanh sáng tạo, kinh doanh xanh và bền vững; tái cấu trúc doanh nghiệp tạo chuẩn giá trị mới, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

- Chú trọng nâng cao giá trị thương hiệu, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp; tiết kiệm tối đa chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực về vốn, đất đai... để nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ, đẩy mạnh xây dựng uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận sâu trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua; mạnh dạn đầu tư hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp; tập trung đầu tư vào những lĩnh vực mới, công nghệ kỹ thuật khoa học hiện đại.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp sẵn sàng chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến, tri thức mới, công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành các chuỗi giá trị, thúc đẩy hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Quan tâm đến việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chế độ giữ chân người lao động, tái cấu trúc lao động để thích ứng và đón đầu các xu hướng mới của thị trường.

- Tích cực tham gia triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và bền vững.

DỰ THẢO

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT NGHỊ:

Thời gian qua, dịch Covid-19 và các biến động phức tạp về kinh tế địa chính trị thế giới đã và đang ảnh hưởng mạnh đến nền kinh tế nước ta cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong bối cảnh chịu nhiều sức ép lớn, khó khăn bủa vây của tình hình thế giới, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự ủng hộ của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo điều hành quyết liệt, thống nhất, kịp thời các bộ, ngành và địa phương triển khai nhiều chính sách, giải pháp giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, duy trì một mặt bằng tỉ giá, lãi suất hợp lý, cơ bản ổn định so với các nước lớn và trong khu vực đang chịu nhiều biến động; giảm đáng kể áp lực chi phí nguyên, nhiên liệu đầu, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh.

Chính vì vậy, cùng với sự nỗ lực vượt qua khó khăn, tinh thần đổi mới, chủ động thích ứng của cộng đồng doanh nghiệp, khu vực doanh nghiệp thời gian qua đã có nhiều tín hiệu phục hồi khởi sắc. Khu vực doanh nghiệp vẫn đạt mức tăng trưởng đáng khích lệ ngay trong bối cảnh dịch Covid -19 phức tạp. Trong 7 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp gia nhập và quay trở lại thị trường và nguồn vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế tăng mạnh. Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường với trên 130 nghìn doanh nghiệp, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2021, gấp 1,4 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; Về quy mô, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt trên 3,3 triệu tỷ đồng, tăng trên 37 % so với cùng kỳ năm 2021.

Theo phản ánh của các hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, hiện nay, thị trường của doanh nghiệp đặc biệt là thị trường nội địa phục hồi trên 75%-85% so với thời điểm trước dịch bệnh Covid-19; doanh thu 02 quý đầu năm 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, một số ngành còn cao hơn so với cùng kỳ trước dịch; kim ngạch xuất khẩu các ngành chủ lực của Việt Nam tiếp tục tăng mạnh, là điểm sáng, đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Niềm tin của các nhà đầu tư và doanh nghiệp tiếp tục được củng cố và có xu hướng tích cực.

Mặc dù vậy, tình hình sản xuất kinh doanh trong thời gian tới dự kiến tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ các yếu tố khách quan như nguy cơ dịch Covid-19 bùng phát trở lại; vấn đề biến đổi khí hậu hạn hán, lũ lụt diễn ra bất thường; xung đột quân sự Nga - Ucraina có thể kéo dài; lạm phát tăng cao, nhiều khả năng trở thành vấn đề dai dẳng trong trung hạn; giá xăng dầu, nhiên, nguyên vật liệu còn ở mức cao; chính sách ứng phó dịch Covid-19 và điều hành kinh tế của các quốc gia thay đổi nhanh; sự phục hồi chậm và khó khăn của các đối tác thương mại lớn... cho đến các yếu tố chủ quan như: khó khăn về nguồn vốn, lao động; vướng mắc về chính sách, pháp luật trong nước đã tồn tại từ lâu nhưng chưa được quan tâm giải quyết triệt để, bộ máy thực thi của chính quyền địa phương còn hạn chế... gây ảnh hưởng đến khả năng phục hồi của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Ngoài ra, sự dịch chuyển chuỗi giá trị, yêu cầu của đối tác, thị trường theo hướng sản xuất và tiêu dùng bền vững đang diễn ra mạnh mẽ; các cam kết của Việt Nam khi tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26), ưu tiên trong các khuôn khổ hợp tác quốc tế ASEAN, APEC về kinh doanh bền vững, sản xuất xanh, vấn đề thuế cacbon, công cụ kiểm chứng carbon đang áp dụng ngày càng ở nhiều nước trên thế giới đang đặt ra những thách thức cần phải đổi mới cho các doanh nghiệp Việt Nam để bắt kịp xu thế mới nếu không sẽ bị giảm sức cạnh tranh và bị mất cơ hội tham gia và tiến sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh đó, kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trong khi nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của công nghệ, chuyển đổi số, còn đi sau thế giới về mặt công nghệ, chưa làm chủ được các công nghệ lõi, công nghệ nền tảng, dẫn đến nguy cơ tụt hậu, giảm sức cạnh tranh trên thị trường.

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen. Để có thể đạt được mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đề ra và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua, Việt Nam cần đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; trong đó cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò là lực lượng tiên phong, nòng cốt, quan trọng để thực hiện thành công các mục tiêu đề ra.

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững cả về số lượng, chất lượng, thực sự trở thành lực lượng quan trọng đảm bảo tính tự chủ của kinh tế, Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyết liệt, hiệu quả những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt thực thi đầy đủ và hiệu quả các nghị quyết, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về khuyến khích phát triển doanh nghiệp; bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo Hiến pháp và pháp luật; củng cố niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân.

2. Hỗ trợ tối đa cho các doanh nghiệp phát triển, coi việc tháo gỡ các rào cản, khó khăn cho doanh nghiệp là nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Khơi thông các điểm nghẽn, huy động, giải phóng các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển. Nâng cao tinh thần đồng hành, chia sẻ sát cánh cùng cộng đồng doanh nghiệp. Bảo đảm quyền bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp, không phân biệt loại hình, thành phần kinh tế trong cơ hội tiếp cận các nguồn lực và chính sách.

3. Bảo đảm tính ổn định, nhất quán, dễ dự báo, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả và thực chất của chính sách; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng, thuận lợi, an toàn và thân thiện, tiệm cận với chuẩn mực quốc tế; đơn giản hóa khâu tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm dựa trên tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng, minh bạch, hợp lý; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước.

4. Chủ động xây dựng chính sách và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng với các biến động trong tương lai, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, Mạnh dạn thí điểm, triển khai các chính sách, giải pháp phát triển mô hình kinh doanh mới dựa trên đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh và kinh doanh bền vững trên nguyên tắc bám sát tình hình thực tiễn và thông lệ quốc tế.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp trọng tâm, trọng điểm; đón đầu các xu hướng kinh doanh mới; phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh và kinh doanh bền vững; thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp có khả năng dẫn dắt trong một số ngành, lĩnh vực tiềm năng tạo động lực tăng trưởng mới và thực hiện các mục tiêu bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp chủ động thích ứng với tình hình mới, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và phục hồi nhanh, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh xanh và bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn

cầu; lớn mạnh về số lượng và chất lượng, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể:

Phân đầu đến năm 2025:

a) Đạt 1,5 triệu doanh nghiệp. Tốc độ tăng bình quân số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh khoảng 8%/năm; 8.000-10.000 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

b) Khu vực doanh nghiệp đóng góp khoảng 65-70% GDP cả nước, khoảng 30-35% tổng việc làm trong nền kinh tế, 98-99% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu.

c) Khoảng 35-40% tổng số doanh nghiệp có hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

d) 100% cơ sở kinh doanh bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; tối thiểu 30.000 cơ sở kinh doanh được hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số.

đ) Mỗi năm tăng 10% số lượng doanh nghiệp được xếp vào danh sách doanh nghiệp có giá trị thương hiệu cao nhất của các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới.

e) 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

A. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai ngay:

1. Khẩn trương tháo gỡ các vướng mắc, rào cản về pháp lý tồn tại chưa được giải quyết triệt để, thúc đẩy giải ngân đầu tư công để khơi thông nguồn lực cho đầu tư sản xuất kinh doanh.

a) Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện rà soát, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án đầu tư đã được cấp phép, chưa triển khai hoặc đang triển khai nhằm khơi thông nguồn lực đầu tư cho sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế; đồng thời đẩy mạnh công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

b) Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân địa phương khẩn trương nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn về pháp lý hoặc thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án bất động sản; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

c) Bộ Giao thông vận tải, các bộ, ngành liên quan và các địa phương đẩy mạnh công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, khơi thông nguồn lực cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Bộ Tài chính chỉ đạo Tổng cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, đơn giản hóa tối đa các quy trình hành chính hiện tại hoặc xem xét áp dụng các quy trình xuất, nhập khẩu ưu tiên để hỗ trợ các doanh nghiệp tối ưu thời gian, chi phí ở các khâu thực hiện trong nước nhằm đẩy nhanh quy trình, thủ tục nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu hay đẩy nhanh xuất khẩu các sản phẩm nông sản, xuất các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ đạo...

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu chỉnh sửa các quy định phân loại và chỉ tiêu phát pho nước thải từ ao nuôi thủy sản tập trung phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng công nghệ, yếu tố đặc thù của ngành nuôi trồng thủy sản và thông lệ khu vực; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

e) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan nghiên cứu, đẩy mạnh các giải pháp khắc phục “thẻ vàng” IUU của Liên minh Châu Âu; tìm kiếm, xúc tiến thị trường mới cho hoạt động xuất khẩu nông sản Việt Nam; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

g) Bộ Công an nghiên cứu, rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án xây dựng, đơn giản hoá thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí cho doanh nghiệp; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

2. Tiếp tục hỗ trợ giảm chi phí phí cho doanh nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước.

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Nghiên cứu, hoàn thiện trình Chính phủ phương án giảm thuế giá trị gia tăng và tiêu thụ đặc biệt đối với xăng dầu, trình Chính phủ trong Quý IV năm 2022; tiếp tục đẩy mạnh công tác dự báo, phối hợp hiệu quả giữa chính sách tiền tệ, tài khoá với các chính sách vĩ mô khác và triển khai hỗ trợ một số đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề của giá xăng dầu như hỗ trợ ngư dân bám biển, hỗ trợ doanh nghiệp vận tải, người thu nhập thấp.

- Khẩn trương nghiên cứu, báo cáo về đề xuất miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân trong một số ngành bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19; trình Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

- Khẩn trương ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước vốn chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ, hoàn thành trong Quý IV năm 2022.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài chính đề xuất chính sách hỗ trợ chi phí xăng dầu phù hợp để giúp ngư dân vươn khơi, bám biển; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

c) Bộ Xây dựng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương khẩn trương công bố giá và chỉ số giá các loại vật liệu theo tháng, phù hợp với diễn

biến thị trường trong điều kiện giá cả hàng hoá, nguyên nhiên vật liệu cho đầu tư kết cấu hạ tầng thay đổi nhanh, tạo điều kiện tính đúng, tính đủ chi phí cho các dự án đầu tư xây dựng từ nguồn đầu tư công, nhất là các dự án trọng điểm quốc gia trong Quý III năm 2022.

d) Bộ Công Thương:

- Tăng cường theo dõi, đề nghị các đầu mối bán lẻ xăng dầu thực hiện đúng quy định về dự trữ lưu thông, không để thiếu nguồn cung mặt hàng xăng dầu; chủ động tính toán, có giải pháp để tự chủ nguồn cung trong nước.

- Nghiên cứu đề xuất sửa đổi Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, nghiên cứu bổ sung đối tượng “cơ sở lưu trú du lịch” áp dụng giá bán lẻ điện bằng với giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

- Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam khẩn trương nghiên cứu xây dựng phương án giảm tiền điện, đề xuất Bộ Công Thương theo tinh thần tại điểm h, khoản 3, Điều II, Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/01/2022; trình Chính phủ ban hành trong Quý IV năm 2022.

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Tiếp tục có các giải pháp đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích phát triển theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh triển khai Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 05 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

e) Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sớm hoàn thành đánh giá tác động, đề xuất giải pháp thiết thực để hỗ trợ người lao động, chia sẻ, đồng hành với doanh nghiệp, hợp tác xã vượt qua khó khăn do dịch COVID-19 theo điểm i khoản 3 Mục III Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

g) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai phương án giảm tiền sử dụng nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn trong Quý IV năm 2022.

3. Khắc phục đứt gãy chuỗi cung ứng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước

a) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, hiệp hội ngành hàng đẩy mạnh triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đa dạng hóa nguồn cung, đối tác, nhà cung cấp nguồn cung nguyên, nhiên, phụ liệu, linh kiện đầu vào đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đa dạng

hóa thị trường xuất khẩu; mở rộng thị trường trong nước; tái cơ cấu mặt hàng và thị trường, tránh tình trạng lệ thuộc vào một số thị trường nhất định; liên kết các doanh nghiệp, sử dụng hàng hóa của nhau, giữ vững và chiếm lĩnh thị trường trong nước.

b) Bộ Ngoại giao chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tích cực hỗ trợ doanh nghiệp kết nối đối tác, thâm nhập thị trường; đẩy mạnh công tác vận động, khuyến khích doanh nhân, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài giao lưu, kết nối, hợp tác đầu tư, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường các nước.

4. Tập trung giải quyết tình trạng khan hiếm lao động cục bộ ở một số ngành, lĩnh vực, địa bàn; đẩy mạnh triển khai chính sách, giải pháp hỗ trợ người lao động, đào tạo kỹ năng người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu thiếu hụt thị trường

a) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì:

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các địa phương đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động, đảm bảo đúng đối tượng, tránh trục lợi.

- Phối hợp với các địa phương tập trung giải quyết tình trạng khan hiếm lao động cục bộ ở một số ngành, lĩnh vực, địa bàn; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động "gấp" cung ứng cho doanh nghiệp; trước mắt, tập trung triển khai ở một số ngành, lĩnh vực có nguy cơ thiếu hụt nhiều nhất.

b) Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi đối với đối tượng ưu tiên tại Chương trình phục hồi kinh tế; nghiên cứu đề xuất Chính phủ xem xét phương án tiếp tục kéo dài chương trình cho vay lãi suất 0% trả lương phục hồi sản xuất¹ đối với các lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và ăn uống và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài cho đến hết ngày 31/12/2022 hoặc cho đến khi giải ngân hết nguồn vốn cân đối cho chương trình.

c) Các địa phương bố trí đầy đủ nhân sự nhằm đẩy nhanh tiến độ thẩm tra, giải ngân gói hỗ trợ nhà trọ cho người lao động; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp trong quy trình quản lý và xét duyệt hồ sơ trên hệ thống trực tuyến, tạo thuận lợi cho người lao động và doanh nghiệp thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

B. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong trung và dài hạn:

5. Tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thực chất thủ tục hành chính

¹ Chính sách này được thực hiện trong thời gian từ ngày 1/5/2021 đến hết ngày 31/3/2022, được nêu trong điểm b khoản 11 Điều II, Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01/07/2021.

a) Các bộ, ngành, địa phương:

- Tập trung giải quyết các bất cập do quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật còn chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng và tài nguyên, môi trường; thực hiện tích hợp các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật; chủ động hoặc đề xuất cấp thẩm quyền cắt giảm hoặc đơn giản hoá các quy định về trình tự, thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh do cấp mình quản lý; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, không xây dựng, ban hành các thủ tục, rào cản mới cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, trừ trường hợp cần thiết và phải đánh giá tác động, cân nhắc kỹ lưỡng về tác động tới doanh nghiệp.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy hoạch thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý làm cơ sở cho doanh nghiệp xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư, sản xuất kinh doanh có tầm nhìn dài hạn, bền vững.

- Tổ chức đối thoại định kỳ giữa các bộ, ngành, chính quyền địa phương và doanh nghiệp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và đánh giá thực chất quá trình xử lý kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả đầu tư công; khuyến khích đầu tư của khu vực doanh nghiệp góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

b) Bộ Tài chính:

- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhằm đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả, đáp ứng vai trò là kênh dẫn vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế; có biện pháp tăng cường giám sát, kiểm tra đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu sử dụng vốn sai mục đích, vi phạm công bố thông tin; rà soát, nâng cao các điều kiện về nhà đầu tư chứng khoán cá nhân chuyên nghiệp, các tổ chức kiểm toán, định giá tài sản, áp dụng xếp hạng tín nhiệm; đề xuất các kịch bản chủ động xử lý các tình huống rủi ro liên quan đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp có thể xảy ra nhằm tránh ảnh hưởng đến hệ thống tài chính và gây bất ổn kinh tế-xã hội; trình Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

- Tiếp tục thực hiện cải cách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, đặc biệt là nội dung liên quan đến hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán nhằm giảm dần sự khác biệt giữa chính sách thuế của doanh nghiệp và hộ kinh doanh; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2023.

c) Bộ Công Thương:

- Đẩy mạnh triển khai Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025 và Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021- 2025” để kích cầu tiêu dùng nội địa.

- Xây dựng và triển khai các giải pháp phát triển một số tập đoàn bán lẻ lớn trong nước và có khả năng cạnh tranh trong khu vực, có vai trò nòng cốt, dẫn dắt thị trường theo Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển các ngành dệt may – da giày, ô tô, thép, giấy, thực phẩm, đồ uống..., trình cấp có thẩm quyền nhằm tạo điều kiện hình thành các khu công nghiệp lớn, đồng bộ, thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu của đối tác, thị trường về sản xuất kinh doanh bền vững.

d) Bộ Tư pháp tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025.

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ theo cơ chế thị trường, kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý. Phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa chính sách tiền tệ với chính sách tài khoá và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Bảo đảm lãi suất và tỉ giá hối đoái ổn định, phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và thị trường.

- Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển thương mại điện tử; ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục hành chính, tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước; tăng cường công tác hậu kiểm đi cùng với chế tài xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

e) Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan cần giảm tối đa các hoạt động thanh tra, xây dựng Chỉ thị thay thế Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/5/2017 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; đặc biệt giảm triệt để việc chồng chéo trong hoạt động thanh kiểm tra thuế, bảo hiểm xã hội và các hoạt động kiểm tra chuyên ngành khác; trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

6. Thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Đẩy mạnh triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, năng lực và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nhằm thực hiện hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học và công nghệ; tổ chức hiệu quả Diễn đàn thường niên kết nối quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo Việt Nam và Mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030; xây dựng cơ sở hạ tầng mới (như mạng 5G, trung tâm dữ liệu...).

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế minh bạch về nguồn dữ liệu mở thuộc khu vực công tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ tiếp cận nguồn tài nguyên số để phát triển các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý I năm 2023.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Nghiên cứu, đẩy mạnh phát triển lực lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp đủ điều kiện được hưởng các chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp, đất đai, tín dụng theo quy định.

- Nghiên cứu đề xuất và triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các chương trình cấp quốc gia thuộc quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Bộ Tài chính:

- Nghiên cứu tham mưu cho Chính phủ hoặc cấp thẩm quyền thực hiện các “đòn bẩy chính sách” dựa trên cơ chế ưu đãi về thuế, phí cho nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, doanh nghiệp có dự án đầu tư gắn với các ngành, lĩnh vực trọng tâm quốc gia và xu thế thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển các sản phẩm, dịch vụ giá trị gia tăng cao; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2023.

- Nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển thị trường giao dịch vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (start-up); trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2023.

- Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý I năm 2023.

đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, huy động nguồn lực của xã hội, cụ thể hoá các chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, lộ trình thực hiện.

e) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển thương mại điện tử; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng

Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng; trình Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

g) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ tái cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và cách mạng công nghiệp 4.0

a) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Hoàn thiện hướng dẫn hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NQĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoàn thành trong quý IV năm 2022.

- Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách về liên kết, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong liên kết, hợp tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao sau đào tạo; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý I năm 2023.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức các phiên giao dịch việc làm, hỗ trợ người sử dụng lao động tuyển dụng bằng hình thức trực tuyến; Tổ chức các hoạt động kết nối, giao dịch việc làm có sự liên kết giữa các địa phương trong vùng, liên vùng hoặc trên toàn quốc. Đầu tư hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến hiện đại để trực tiếp kết nối giữa người lao động, người sử dụng lao động, không bị rào cản về không gian địa lý.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực phục vụ đổi mới sáng tạo và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong những ngành, lĩnh vực kinh tế trọng tâm quốc gia, tiệm cận trình độ quốc tế đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong tình hình mới; tham mưu cơ chế, chính sách thiết thực để huy động và sử dụng hiệu quả mạng lưới tri thức người Việt Nam trong và ngoài nước, hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao ở nhiều cấp bậc; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý I năm 2023.

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực hàng năm triển khai hoạt động hỗ trợ đào tạo, tư vấn khởi nghiệp kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ

quản lý doanh nghiệp; nâng cao kỹ năng, chuyển đổi ngành, nghề cho người lao động.

8. Tăng cường hiệu quả triển khai các chính sách và nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập quốc tế, nắm bắt và đón đầu các xu hướng kinh doanh mới, xu hướng thị trường mới.

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội doanh nghiệp nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích hình thành lực lượng doanh nghiệp tư nhân có vai trò dẫn dắt trong một số ngành kinh tế trọng điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo xu hướng xanh và bền vững; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2023.

- Đẩy mạnh thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa với trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia cụm liên kết chuỗi giá trị; triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025, trong đó hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh doanh bao trùm và kinh doanh bền vững.

b) Bộ Tài chính:

- Ưu tiên cân đối, bố trí nguồn ngân sách để hỗ trợ triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh bền vững, chuyển đổi cơ cấu, công nghệ sang hướng hiện đại, giảm thải carbon.

- Rà soát, đánh giá các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 34/2018/NĐ-CP của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và kiến nghị giải pháp tháo gỡ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

c) Bộ Công Thương đẩy mạnh triển khai và đa dạng hóa hình thức các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, phát triển thị trường trong nước, xây dựng thương hiệu quốc gia; tăng cường đào tạo, tư vấn, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để tận dụng lợi thế của các hiệp định thương mại tự do, nắm vững các yêu cầu, điều kiện kỹ thuật, kinh doanh bền vững, giảm thải carbon của đối tác và thị trường quốc tế; triển khai có hiệu quả hệ thống thông tin thương mại cảnh báo sớm, nhằm cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để tránh các vụ kiện bán phá giá, hay các thông tin liên quan khi tiếp cận thị trường xuất khẩu.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Công Thương đẩy mạnh triển khai các giải pháp hỗ trợ hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu và truy xuất nguồn gốc đối với các hàng hóa, nông sản, thực phẩm thiết yếu, tận dụng sức mua của thị trường nội địa; nghiên cứu đề xuất phát triển vùng nguyên liệu trong nước phục vụ sản xuất nông

nghiệp để thay thế nguyên liệu nhập khẩu nhằm chủ động nguồn cung và giá; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trong Quý II năm 2023.

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục có các giải pháp đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là tín dụng xanh, trong đó có các gói tài chính cho vay ưu đãi dành cho doanh nghiệp trong việc chuyển đổi cơ cấu, công nghệ sang hướng hiện đại, giảm thải carbon; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển tài chính sáng tạo, sản phẩm tài chính thay thế bên cạnh kênh tín dụng trung, dài hạn truyền thống của ngân hàng; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2022.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Khẩn trương tổ chức hiệu quả các chính sách, giải pháp được giao tại Nghị quyết.

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, bảo đảm tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ báo cáo nêu tại Nghị quyết này. Đối với việc theo dõi, khảo sát và đánh giá các mục tiêu: Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm về mục tiêu tại tiết e khoản 2, mục II; Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về các mục tiêu tại tiết a, b và d khoản 2 mục II; Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về các mục tiêu tại tiết c khoản 2 mục II; Bộ Công Thương chịu trách nhiệm về mục tiêu tại tiết đ khoản 2 mục II của Nghị quyết này.

c) Kịp thời tổng hợp các kiến nghị, khó khăn và vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý để xử lý hoặc chuyển tới cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

d) Xử lý nghiêm cán bộ, công chức gây khó khăn, những nhiễu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổng hợp các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp chuyển tới các cơ quan quản lý nhà nước để xử lý, giải quyết; định kỳ hàng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện và đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, theo dõi và công khai trên Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.

3. Các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề

a) Xây dựng các chương trình, biện pháp cụ thể, khả thi để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt vai trò là tổ chức đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và người sử dụng lao động ở Việt Nam; khuyến khích, phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; xây dựng và triển khai rộng rãi các chuẩn mực đạo đức, văn hoá của doanh nhân Việt Nam trong

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nêu cao tinh thần và trách nhiệm của doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam đối với quốc gia, dân tộc.

b) Chủ động nghiên cứu, đánh giá thách thức, thời cơ, xu hướng kinh doanh, xu hướng thị trường mới của ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các yêu cầu về kinh doanh bền vững, kinh doanh xanh; kịp thời chia sẻ, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp hội viên và ngành hàng.

c) Đại diện và tăng cường quyền lợi cho các hội viên của mình trong các quan hệ trong nước và quốc tế; làm cầu nối, vận động chính sách, duy trì đối thoại với Chính phủ và quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong nước, nước ngoài về luật và chính sách điều chỉnh hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp.

d) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp của trung ương và địa phương để xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả chương trình, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy kết nối kinh doanh giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, giữa doanh nghiệp các địa phương với nhau, giữa các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa.

đ) Tổng hợp các kiến nghị, khó khăn và vướng mắc của doanh nghiệp chuyển tới các cơ quan quản lý nhà nước để xử lý, giải quyết; đồng thời sao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, theo dõi và công khai trên Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ; thực hiện khảo sát đánh giá sơ kết, tổng kết và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HỢND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b). Q

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Khái